

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2021

V/v Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Thắng

2. Ông Hồ Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 501/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1992;

2. *Bị đơn:* Châu Quốc B, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Chị và anh Châu Quốc B cưới nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới anh, chị chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau, nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu Quốc B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Quốc K, sinh ngày 14/10/2014. Hiện nay con đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, trước đây chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nay chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Châu Quốc B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh B đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị N có yêu cầu ly hôn, anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: có 01 con chung tên Châu Quốc K, sinh ngày 14/10/2014, hiện cháu K đang sống với chị N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N; ghi nhận chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có nên không xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N có đơn yêu cầu ly hôn với anh B. Bị đơn anh B hiện đang cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với anh Châu Quốc B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh B chung sống với nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh B lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và chị N và anh B đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến tháng 5/2020 chị N có đơn xin ly hôn nộp tại Tòa án

nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, sau khi tiếp nhận hồ sơ Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tiến hành hòa giải động viên nên chị N đã rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã ra quyết định Đình chỉ số: 62/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04/6/2020 để chị N và anh B đoàn tụ chung sống trở lại, nhưng sau đó mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Đến ngày 13/7/2020 chị N có đơn xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tiến hành xác minh và làm việc với ông Châu văn Rạng (cha ruột anh B) về trình trạng hôn nhân của chị N và anh B. Đối với anh B Tòa án không ghi lời khai của anh B được do anh không hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị N và anh B đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N được chấp nhận là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Châu Quốc K, sinh ngày 14/10/2014 hiện cháu K đang sống với chị N, chị N yêu cầu được nuôi cháu K. Xét thấy cháu K từ trước đến nay sống với chị N nên cần giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì quyền và lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Châu Quốc B.
2. Về con chung: Giao con chung là Châu Quốc K, sinh ngày 14/10/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí của chị N được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001467 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình.

Chị N và anh B (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã N, h.M.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn